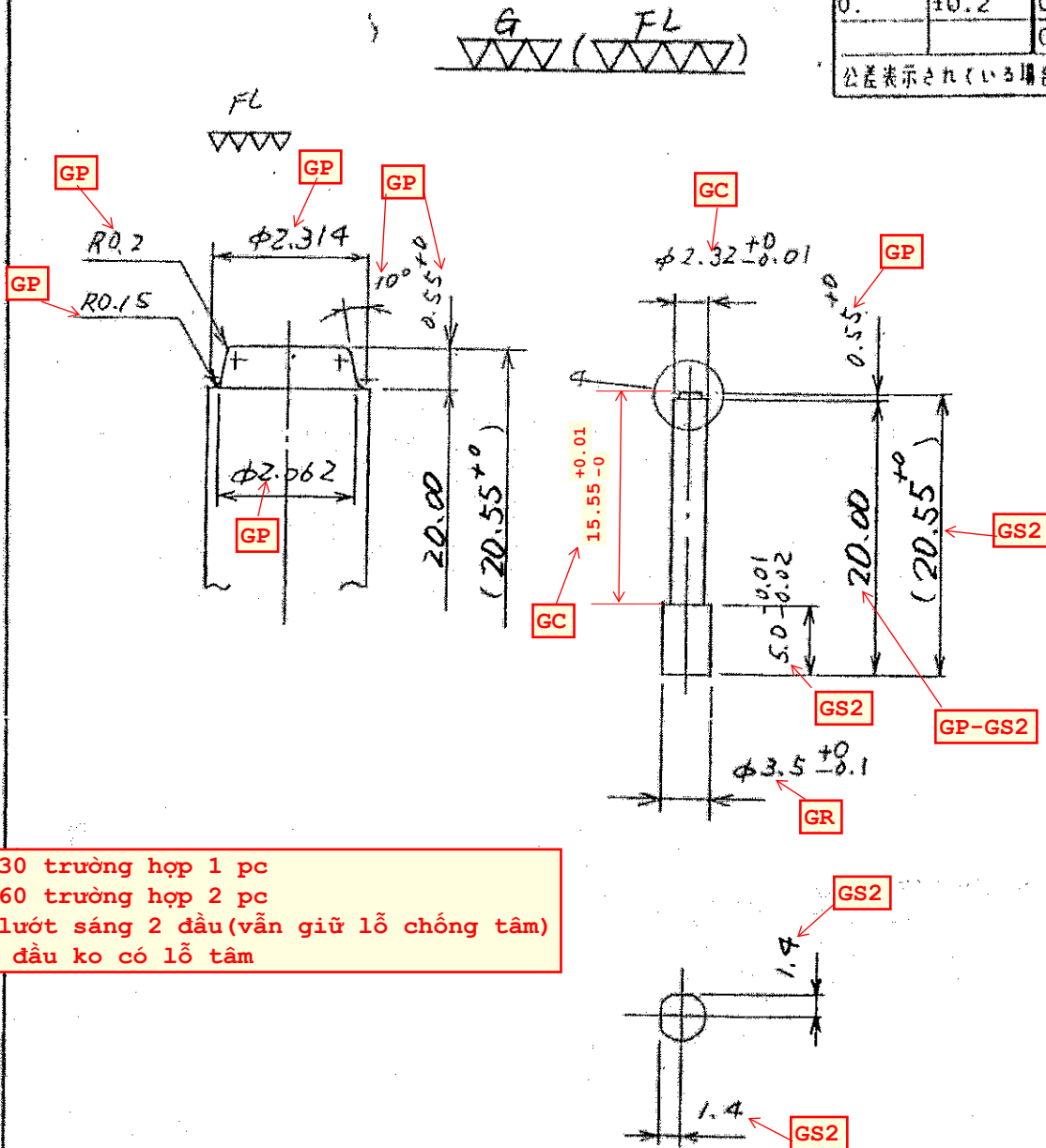


Rev.	記	相当
2002.11.22	図面統一化, 材質変更 (MMK-35-471) 炭素鋼	

加工公差表示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
0.000	±0.005	0.000 ⁻⁰	⁺⁰ -0.005
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
0.0	±0.1	0.00 ⁻⁰	⁺⁰ -0.01
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
		0.0 ⁻⁰	⁺⁰ -0.1
公差表示されていいる場合は、それを優先する			



GR: -Ø3.5 L=30 trường hợp 1 pc
 -Ø3.5 L=60 trường hợp 2 pc
 GS1: Cắt và lượt sáng 2 đầu (vẫn giữ lỗ chống tâm)
 GC: Gia công đầu ko có lỗ tâm

新圖面番號 S073944

S CHUẨN

WC(D30/HIP)

部 品 名		材 質		数 量		附 属 名 称			
面付け 7"1		WC-D20 HIP		8		FK-130 小ケ-ス 順送型			
製 造 者		天 橋 製 造		附 属		日 付		其 他 部 品 番 号	
地入 110C 地盤				松本		95.12			
天 橋		附 属		PS10-021M-00-1-055-AA A					
111 (/)		番 号							

SNO: S073944	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: 2 PCS	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø4*30	GR:30 GS1:20 GC:40 GP:120 GS2:30 KT